

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 24/11/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0080	SV5738611	Mai Thi Hồng	Nhung	25/06/1999		
2	TA0081	SV5738612	Trần Kim	Xuân	20/08/1999		
3	TA0082	SV5738613	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1998		
4	TA0083	SV5738614	Lê Việt	Cường	01/06/1999		
5	TA0084	SV5738615	Trần Thị	Tuyết	01/11/1998		
6	TA0085	SV5738616	Nguyễn Minh	Phước	25/02/1999		
7	TA0086	SV5738617	Lê Quý	Hòa	18/05/1999		
8	TA0087	SV5738618	Nguyễn Thanh	Phong	09/03/1999		
9	TA0088	SV5738619	Vũ Thị Ngân	Hà	10/12/1999		
10	TA0089	SV5738620	Nguyễn Thị	Thắm	01/04/1999		
11	TA0090	SV5738621	Nguyễn Thị	Huệ	13/05/1999		
12	TA0091	SV5738622	Chu Văn	Anh	06/06/1999		
13	TA0092	SV5738623	Nguyễn Doãn	Mạnh	27/11/1999		
14	TA0093	SV5738624	Lý Thảo	Thảo	10/10/1999		
15	TA0094	SV5738625	Tạ Thu	Hà	12/09/1999		
16	TA0095	SV5738626	Trần Quỳnh	Giang	03/10/1999		
17	TA0096	SV5738627	Nguyễn Thị Thuý	Dung	04/07/1999		
18	TA0097	SV5738628	Đỗ Tuấn	Đạt	07/08/1999		
19	TA0098	SV5738629	Đặng Hùng	Mạnh	28/09/1999		
20	TA0099	SV5738630	Nguyễn Kim	Trọng	13/12/1989		
21	TA0100	SV5738631	Vũ Đức	Bình	26/11/1999		
22	TA0101	SV5738632	Bùi Văn	Tâm	27/08/1999		
23	TA0102	SV5738633	Nguyễn Thị	Thủy	14/10/1979		
24	TA0103	SV5738634	Cao Xuân	Thắng	15/05/1976		
25	TA0104	SV5738635	Nguyễn Văn	Giáp	10/12/1968		
26	TA0105	SV5738636	Phạm Thị Thu	Hương	05/08/1982		
27	TA0106	SV5738637	Trần Thế	Anh	28/11/1998		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
----	-----	---------------------------	----	-----	----------	--------	---------

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)